TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 61/2026/DS-ST Ngày 05 - 5 - 2026 V/v Tranh chấp về thừa kế	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Duy - Kiểm sát viên

Trong các ngày 28 tháng 4 và 05 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc "*Tranh chấp thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Kim L, năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà B, ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số H, đường L, Phường L, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Văn Phòng C7).

- *Bị đơn*: Ông Trương Quốc D, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà B, ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trương Thị Kim P, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh).

2. Bà Trương Kim T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số nhà A, ấp M, xã D, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

3. Bà Trương Kim B, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

4. Bà Trương Thị Á C1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà C, đường H, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

5. Bà Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số nhà B, Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

6. Bà Trương Thị Mỹ C3, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà B, Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

7. Ông Phan Trương Thanh P1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

8. Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà B, Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Trương Thị Mỹ C3, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà B, Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2023 và quá trình tố tụng bà Trương Thị Kim L là nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H chung sống với nhau gồm 9 người con: Trương Thị Kim P, sinh năm 1959; Trương Thị Kim L, sinh năm 1962; Trương Kim T, sinh năm 1966; Trương Kim B, sinh năm 1968; Trương Thị Á C1, sinh năm 1970; Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973; Trương Quốc D, sinh năm 1977; Trương Thị Mỹ C3, sinh năm 1980 và Trương Thị Phi C5, sinh năm 1975 nhưng đã chết năm 1984. Cả ông C4, bà H không có con riêng, không có con nuôi.

Khi chung sống ông C4 và bà H có hai thửa đất là thửa đất số 1, có diện tích 2.341,2m^2 và thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa tại xã A, huyện C.

Ông Trương Văn C4 chết vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, đến ngày 23 tháng 6 năm 2015 thì tất cả các người thừa kế để lại di sản thừa kế cho bà Phan Thị H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H chết không để lại di chúc. Bà Trương Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích là 2.341,2m^2, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Long An và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 4, diện tích là 1.783,5m^2, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Long An thành 8 kỷ phần bằng nhau, bà L nhận một

kỷ phần. Đồng thời, bà L yêu cầu đổi phần đất bà được nhận thuộc thửa đất số 1, có diện tích là 292 m^2 sang nhận phần đất thuộc thửa đất số 2 bằng ½ diện tích là 146 m^2, cộng với phần đất ở nông thôn bà được nhận là 222m^2. Bà L yêu cầu được nhận tổng diện tích đất là 368m^2, có chiều ngang khoảng 10m, vị trí giáp kênh, chiều dài khoảng 36,8 m, tiếp giáp lối đi.

Ông Trương Quốc D là bị đơn trình bày:

Ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H chung sống với nhau gồm 9 người con: Trương Thị Kim P, sinh năm 1959; Trương Thị Kim L, sinh năm 1962; Trương Kim T, sinh năm 1966; Trương Kim B, sinh năm 1968; Trương Thị Á C1, sinh năm 1970; Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973; Trương Quốc D, sinh năm 1977; Trương Thị Mỹ C3, sinh năm 1980 và Trương Thị Phi C5, sinh năm 1975 nhưng đã chết năm 1984. Cả ông C4, bà H không có con riêng, không có con nuôi.

Khi chung sống ông C4 và bà H có hai thửa đất là thửa đất số 1, có diện tích 2.341,2m^2; thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C.

Ông Trương Văn C4 chết vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, đến ngày 23 tháng 6 năm 2015 thì tất cả các người thừa kế cùng thỏa thuận để lại di sản thừa kế cho bà Phan Thị H và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H chết không để lại di chúc.

Trên thửa đất số 1, có căn nhà của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, hiện căn nhà này ông đang quản lý.

Đối với yêu cầu của bà Trương Thị Kim L về chia thừa kế ông không đồng ý. Vì khi cha mẹ của ông là ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H còn sống thì có nói với ông diện tích hai thửa đất nêu trên sẽ để cho ông C4, bà H, mỗi người một công (1000m^2), phần đất này để ông dùng vào việc thờ cúng ông bà và bà Trương Thị Phi C5, tất cả chị em đều biết. Đồng thời, khi cha mẹ của ông còn sống cũng cho các chị em của ông canh tác luân phiên trên phần đất khác. Khi cha mẹ còn sống thì bà L có hỏi xin cha mẹ diện tích đất khoảng nửa công (500 m^2) nhưng cha mẹ ruột của ông không đồng ý. Khi cha mẹ của ông sinh sống ở Tây Ninh thì có nguyện vọng về sau khi trăm tuổi già sẽ được chôn cất ở huyện C. Hiện nay, cha, mẹ ông chết chôn ở Tây Ninh theo di nguyện của cha mẹ thì ông còn có nghĩa vụ cải táng trên phần đất nhà ở huyện C. Khi mẹ ông chết thì chồng và con của bà L sinh sống trong căn nhà có trên thửa đất số 1, còn thửa đất số 2 hiện đang cho bà Trương Thị Mỹ C3 và chồng của bà C3 là ông Nguyễn Tấn S thuê đất.

1. Bà Trương Thị Kim P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H chung sống với nhau gồm 9 người con: Trương Thị Kim P, sinh năm 1959; Trương Thị Kim L, sinh năm 1962; Trương Kim T, sinh năm 1966; Trương Kim B, sinh năm 1968; Trương Thị Á C1, sinh năm 1970; Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973; Trương Quốc D, sinh năm 1977; Trương Thị Mỹ C3, sinh năm 1980 và Trương Thị Phi C5, sinh năm 1975 nhưng đã chết năm 1984. Cả ông C4, bà H không có con riêng, không có con nuôi.

Khi chung sống ông C4 và bà H có hai thửa đất là thửa đất số 1, có diện tích 2.341,2m^2 và thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C.

Ông Trương Văn C4 chết vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, đến ngày 23 tháng 6 năm 2015 thì tất cả các người thừa kế cùng thỏa thuận để lại di sản thừa kế cho bà Phan Thị H và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H chết không để lại di chúc.

Trên thửa đất số 1, có căn nhà của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, hiện căn nhà này ông D đang quản lý. Bà không yêu cầu chia căn nhà, bà đồng ý giao cho ông D tiếp tục quản lý và sử dụng.

Đối với di sản thừa kế của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, bà yêu cầu chia đều mỗi thửa đất, thành 8 phần bằng nhau mỗi người một phần. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật, là quyền sử dụng diện tích đất được chia.

2. Bà Trương Kim T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H chung sống với nhau gồm 9 người con: Trường Thị Kim P2, sinh năm 1959; Trương Thị Kim L, sinh năm 1962; Trương Kim T, sinh năm 1966; Trương Kim B, sinh năm 1968; Trương Thị Á C1, sinh năm 1970; Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973; Trương Quốc D, sinh năm 1977; Trương Thị Mỹ C3, sinh năm 1980 và Trương Thị Phi C5, sinh năm 1975 nhưng đã chết năm 1984. Cả ông C4, bà H không có con riêng, không có con nuôi.

Khi chung sống ông C4 và bà H có hai thửa đất là thửa đất số 1, có diện tích 2.341,2m^2 và thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C.

Ông Trương Văn C4 chết vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, đến ngày 23 tháng 6 năm 2015 thì tất cả các người thừa kế cùng thỏa thuận để lại di sản thừa kế cho bà Phan Thị H và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H chết không để lại di chúc.

Trên thửa đất số 1, có căn nhà của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, hiện căn nhà này ông D đang quản lý. Bà không yêu cầu chia căn nhà, bà đồng ý giao cho ông D tiếp tục quản lý và sử dụng.

Đối với di sản thừa kế của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, bà yêu cầu chia đều mỗi thửa đất, thành 8 phần bằng nhau mỗi người một phần. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật, là quyền sử dụng diện tích đất được chia.

3. Bà Trương Kim B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H chung sống với nhau gồm 9 người con: Trương Thị Kim P, sinh năm 1959; Trương Thị Kim L, sinh năm 1962; Trương Kim T, sinh năm 1966; Trương Kim B, sinh năm 1968; Trương Thị Á C1, sinh năm 1970; Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973; Trương Quốc D, sinh năm 1977; Trương Thị Mỹ C3, sinh năm 1980 và Trương Thị Phi C5, sinh năm 1975 nhưng đã chết năm 1984. Cả ông C4, bà H không có con riêng, không có con nuôi.

Khi chung sống ông C4 và bà H có hai thửa đất là thửa đất số 1, có diện tích 2.341,2m^2 và thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C.

Ông Trương Văn C4 chết vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, đến ngày 23 tháng 6 năm 2015 thì tất cả các người thừa kế cùng thỏa thuận để lại di sản thừa kế cho bà Phan Thị H và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H chết không để lại di chúc.

Trên thửa đất số 1, có căn nhà của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, hiện căn nhà này ông D đang quản lý. Bà không yêu cầu chia căn nhà, bà đồng ý giao cho ông D tiếp tục quản lý và sử dụng.

Đối với di sản thừa kế của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, bà yêu cầu chia đều mỗi thửa đất, thành 8 phần bằng nhau mỗi người một phần. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật, là quyền sử dụng diện tích đất được chia.

4. Bà Trương Thị Á C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H chung sống với nhau gồm 9 người con: Trương Thị Kim P, sinh năm 1959; Trương Thị Kim L, sinh năm 1962; Trương Kim T, sinh năm 1966; Trương Kim B, sinh năm 1968; Trương Thị Á C1, sinh năm 1970; Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973; Trương Quốc D, sinh năm 1977; Trương Thị Mỹ C3 sinh năm 1980 và Trương Thị Phi C5, sinh năm 1975 nhưng đã chết năm 1984. Cả ông C6, bà H không có con riêng, không có con nuôi.

Khi chung sống ông C4 và bà H có hai thửa đất là thửa đất số 1, có diện tích 2.341,2m^2 và thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C.

Ông Trương Văn C4 chết vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, đến ngày 23 tháng 6 năm 2015 thì tất cả các người thừa kế cùng thỏa thuận để lại di sản thừa kế cho bà Phan Thị H và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H chết không để lại di chúc.

Trên thửa đất số 1, có căn nhà của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, hiện căn nhà này ông D đang quản lý. Bà không yêu cầu chia căn nhà, bà đồng ý giao cho ông D tiếp tục quản lý và sử dụng. Hiện nay bà đang quản lý 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Đối với di sản thừa kế của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, bà yêu cầu chia đều mỗi thửa đất, thành 8 phần bằng nhau mỗi người một phần. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật, là quyền sử dụng diện tích đất được chia.

5.Bà Trương Thị Âu C2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H chung sống với nhau gồm 9 người con: Trương Thị Kim P, sinh năm 1959; Trương Thị Kim L, sinh năm 1962; Trương Kim T, sinh năm 1966; Trương Kim B, sinh năm 1968; Trương Thị Á C1, sinh năm 1970; Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973; Trương Quốc D, sinh năm

1977; Trương Thị Mỹ C3, sinh năm 1980 và Trương Thị Phi C5, sinh năm 1975 nhưng đã chết năm 1984. Cả ông C4, bà H không có con riêng, không có con nuôi.

Khi chung sống ông C4 và bà H có hai thửa đất là thửa đất số 1, có diện tích 2.341,2m^2 và thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C.

Ông Trương Văn C4 chết vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, đến ngày 23 tháng 6 năm 2015 thì tất cả các người thừa kế cùng thỏa thuận để lại di sản thừa kế cho bà Phan Thị H và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H chết không để lại di chúc.

Trên thửa đất số 1, có căn nhà của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, hiện căn nhà này ông D đang quản lý. Bà không yêu cầu chia căn nhà, bà đồng ý giao cho ông D tiếp tục quản lý và sử dụng.

Đối với di sản thừa kế của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, bà yêu cầu chia đều mỗi thửa đất, thành 8 phần bằng nhau mỗi người một phần. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật, là quyền sử dụng diện tích đất được chia.

6. Bà Trương Thị Mỹ C3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H chung sống với nhau gồm 9 người con: Trương Thị Kim P, sinh năm 1959; Trương Thị Kim L, sinh năm 1962; Trương Kim T, sinh năm 1966; Trương Kim B, sinh năm 1968; Trương Thị Á C1, sinh năm 1970; Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973; Trương Quốc D, sinh năm 1977; Trương Thị Mỹ C3 sinh năm 1980 và Trương Thị Phi C5, sinh năm 1975 nhưng đã chết năm 1984. Cả ông C4, bà H không có con riêng, không có con nuôi.

Khi chung sống ông C4 và bà H có hai thửa đất là thửa đất số 1, có diện tích 2.341,2m^2 và thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C.

Ông Trương Văn C4 chết vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, đến ngày 23 tháng 6 năm 2015 thì tất cả các người thừa kế cùng thỏa thuận để lại di sản thừa kế cho bà Phan Thị H và bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H chết không để lại di chúc.

Trên thửa đất số 1, có căn nhà của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, hiện căn nhà này ông D đang quản lý. Bà không yêu cầu chia căn nhà, bà đồng ý giao cho ông D tiếp tục quản lý và sử dụng.

Đối với di sản thừa kế của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, bà yêu cầu chia đều mỗi thửa đất, thành 8 phần bằng nhau mỗi người một phần. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật, là quyền sử dụng diện tích đất được chia.

Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 6 năm 2023, bà Trương Thị Kim P, bà Trương Kim T, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Mỹ C3 cùng xác định: Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày 13 tháng 6

năm 2023 thì bà sẽ làm đơn yêu cầu cụ thể gửi cho Tòa án nhưng hết thời gian nêu trên không có đương sự nào làm đơn yêu cầu chia thừa kế.

Ngày 06 tháng 11 năm 2025, bà Trương Kim T1 có đơn cứu xét: Bà T1 yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và cho bà nhận phần đất liền kề với thửa đất bà đang quản lý sử dụng để thuận tiện cho việc tách thửa và quản lý, sử dụng. Tại phiên hòa giải ngày 26 tháng 3 năm 2026, bà T1 tiếp tục yêu cầu chia thừa kế và nhận bằng hiện vật là diện tích đất. Còn bà Trương Kim B xác định bà từ chối nhận di sản, bà sẽ giao cho ông D quản lý sử dụng. Đến ngày 12 tháng 3 năm 2026, bà T1 rút yêu cầu chia thừa kế.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26 tháng 10 năm 2023 thể hiện: Trên phần đất tranh chấp có 177 trụ thanh long ruột đỏ, trong đó 75 trụ thanh long ruột đỏ do ông Phan Trương Thanh P1 trồng và 102 trụ thanh long ruột do ông Nguyễn Tấn S trồng.

Quá trình tố tụng, bà Trương Thị Mỹ C3 có đơn xin đề nghị: Bà và ông S yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đã ký với ông Trương Quốc D. Trường hợp không thể tiếp tục hợp đồng thì bà, ông S yêu cầu bà L và những người có quyền lợi liên quan bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa, bà, ông S không yêu cầu, còn bà L cũng không yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, bà Trương Thị Mỹ C3, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Kim B có đơn xác định: Từ chối nhận phần di sản và để lại phần di sản cho ông D.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 8 năm 2023, bà Trương Kim P xác định: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, đồng thời, bà P đồng ý để lại quyền sử dụng đất đối với hai kỷ phần gồm: một kỷ phần đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần thửa đất số 1, tờ bản đồ số 4 và một phần đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 4 cho bà Trương Thị Kim L toàn quyền sở hữu, quản lý và sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên xác định:

Yêu cầu chia thừa kế của bà L do bà H đã mất không lập di chúc nên việc chia thừa kế sẽ được chia theo pháp luật, căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự hàng thừa kế thứ nhất của bà H gồm: Trương Thị Kim P, sinh năm 1959; Trương Thị Kim L, sinh năm 1962; Trương Kim T, sinh năm 1966; Trương Kim B, sinh năm 1968; Trương Thị Á C1, sinh năm 1970; Trương Thị Âu C2, sinh năm 1973; Trương Quốc D, sinh năm 1977; Trương Thị Mỹ C3 sinh năm 1980. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Bà L yêu cầu chia đều mỗi thửa đất, thành 8 phần bằng nhau mỗi người một phần. Bà yêu cầu nhận bằng hiện

vật, là quyền sử dụng đất và bà P để kỷ phần di sản cho bà L nên bà L được hưởng 02 kỷ phần.

Tại mảnh trích đo số 430 - 2023 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C thể hiện diện tích đất bà L yêu cầu là Khu B có diện tích là 587,9 m2 nên có giá trị là 346.861.000đ (ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) và Khu E có diện tích là 449,1 m2 nên có giá trị là 520.057.800đ (năm trăm hai mươi triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng), tổng giá trị bà L yêu cầu là 866.918.800đ (tám trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm đồng). So với hai kỷ phần bà L được hưởng thì bà L nhận nhiều hơn: 866.918.800đ (tám trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm đồng) – {430.825.125đ (bốn trăm ba mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) x 2} = 5.268.550đ năm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng) nên bà L có nghĩa vụ trả lại cho ông Trương Quốc D.

Đối với yêu cầu của bà T về việc chia thừa kế thì ngày 12 tháng 03 năm 2026 bà T có đơn rút yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình tố tụng, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Mỹ C3 có lời trình bày khác nhau đối với di dản thừa kế của bà Phan Thị H nhưng không có đương sự nào yêu cầu chia thừa kế nên các đương sự có quyền thực hiện các quyền đối với di sản thừa kế theo quy định chung của pháp luật.

Đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và các trụ thanh long trồng trên các thửa đất tranh chấp do bà Mỹ C3, ông Nguyễn Tấn S, bà L không yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông D với bà Mỹ C3, ông S. Đồng thời, bà L là mẹ ruột của ông Phan Trương Thanh P1, quá trình tố tụng giữa bà L với ông P1 cũng không có tranh chấp đối với thanh long có trên phần đất bà L được nhận di sản thừa kế. Do các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, giữa các bên đương sự có quyền thỏa thuận nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định chung của pháp luật.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 609, 612, 613, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim L về việc chia thừa kế. Bà Trương Thị Kim L được hưởng di sản thừa kế là Khu B có diện tích là 587,9 m2 thuộc một phần thửa đất số 1 và Khu E có diện tích là 449,1 m2 thuộc một phần thửa đất số 2 theo Mảnh trích đo số 430-2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C, tỉnh Long An duyệt ngày 25 tháng 12 năm 2023. Buộc bà Trương Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quốc D số tiền là 5.268.550đ (năm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Trương Thị Kim L và nơi cư trú của ông Trương Quốc D, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a,c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án, Toà án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trương Quốc D, bà Trương Thị Kim P, bà Trương Kim T, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Mỹ C3 đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Trương Quốc D, bà Trương Thị Kim P, bà Trương Kim T, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Mỹ C3.

[3] Bà Trương Thị Kim L khi khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của bà Phan Thị H là thửa số 1, có diện tích 2.341,2m^2; thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về thừa kế.

[4] Quá trình tố tụng, bà Trương Thị Kim L, ông Trương Quốc D, bà Trương Thị Kim P, bà Trương Kim T, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Mỹ C3 cùng xác định: Ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H có 9 người con chung: Bà Trương Thị Kim L, ông Trương Quốc D, bà Trương Thị Kim P, bà Trương Kim T, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Mỹ C3 và Trương Thị Phi C5, sinh năm 1975 nhưng đã chết năm 1984. Cả ông C6, bà H không có con riêng, không có con nuôi. Ông C4, Bà Trương Thị Phi C5 chết trước bà H nên hàng thừa kế thứ nhất của bà H gồm có 8 người: Bà Trương Thị Kim L, ông Trương Quốc D, bà Trương Thị Kim P, bà Trương Kim T, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Mỹ C3.

[5] Bà Trương Thị Kim L, ông Trương Quốc D, bà Trương Thị Kim P, bà Trương Kim T, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Mỹ C3 cùng xác định: Khi chung sống ông C4 và bà H có hai thửa đất là thửa số 1, có diện tích 2.341,2m^2; thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa tại xã A, huyện C. Ông Trương Văn C4 chết vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, đến ngày 23 tháng 6 năm 2015 thì tất cả các người thừa kế để lại di sản thừa kế cho bà Phan Thị H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H chết không để lại di chúc. Trên thửa đất số 1, có căn nhà của ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H, hiện căn nhà này ông D đang quản lý. Bà H không yêu cầu chia căn nhà, bà đồng ý giao cho ông D tiếp tục quản lý và sử dụng. Ông D không đồng ý chia thừa kế vì ông cho rằng: khi ông Trương Văn C4 và bà Phan Thị H còn sống thì có nói với ông diện tích hai thửa đất nêu trên sẽ để cho ông C4, bà H và ông mỗi người một công (1000m^2),

phần đất này để ông dùng vào thờ cúng ông bà và bà Trương Thị Phi C5. Khi cha mẹ của ông sinh sống ở Tây Ninh thì có nguyện vọng về sau khi khi trăm tuổi già sẽ được chôn cất ở huyện C. Cha, mẹ ông chết chôn ở Tây Ninh theo di nguyện của cha mẹ thì ông còn có nghĩa vụ cải táng trên phần đất nhà ở huyện C nhưng ông D không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, lời trình bày của ông không phải là di chúc. Do đó, di sản thừa kế gồm: Thửa số 1, có diện tích 2.341,2m^2 và thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 4, do bà Phan Thị H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa tại xã A, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình tố tụng, bà L xác định thống nhất với kết quả định giá của Công ty cổ phần T2: Giá trị m^2 vị trí Khu B thuộc thửa đất số 1 là 590.000đ (năm trăm chín mươi nghìn đồng) và vị trí Khu E thuộc thửa đất số 2 là 1.158.000đ (một triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Như vậy, thửa đất số 1, có diện tích 2.341,2m^2 nên tổng giá trị của thửa đất là 1.381.308.000đ (một tỷ ba trăm tám mươi mốt triệu ba trăm le tám nghìn đồng) thửa đất số 2, có diện tích 1.783,5 m^2 nên có giá trị là 2.065.293.000đ (hai tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng), giá trị di sản thừa kế là 3.446.601.000đ (ba tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng).

Hàng thừa kế của bà Phan Thị H gồm có 8 người, di sản thừa kế có giá trị là 3.446.601.000đ (ba tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng) nên giá trị mỗi kỷ phần là 430.825.125đ (bốn trăm ba mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

[6] Đối với di sản thừa kế của bà Phan Thị H, bà L yêu cầu chia đều mỗi thửa đất, thành 8 phần bằng nhau mỗi người một phần. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật, là quyền sử dụng đất và bà P để kỷ phần di sản cho bà L.

Tại mảnh trích đo số 430 - 2023 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C thể hiện diện tích đất bà L yêu cầu là Khu B có diện tích là 587,9 m^2 nên có giá trị là 346.861.000đ (ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) và Khu E có diện tích là 449,1 m^2 nên có giá trị là 520.057.800đ (năm trăm hai mươi triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng), tổng giá trị bà L yêu cầu là 866.918.800đ (tám trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm đồng). So với hai kỷ phần bà L được hưởng thì bà L nhận nhiều hơn: 866.918.800đ (tám trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm đồng) – {430.825.125đ (bốn trăm ba mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) x 2} = 5.268.550đ (năm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng) nên bà L có nghĩa vụ trả lại cho ông Trương Quốc D.

Tại công văn số 537/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ xác định: Tại mảnh trích đo số 430-2023 ngày 25 tháng 12 năm 2023, vị trí Khu B có diện tích là 587,9 m^2 loại đất BHK và vị trí Khu E có diện tích là 449,1 m^2 loại đất ONT tổng cộng diện tích 1037m^2 do Chi nhánh Văn

phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25 tháng 12 năm 2023 gồm thửa đất số 1 và thửa đất số 2, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay thuộc xã A, tỉnh Tây Ninh) đảm bảo điều kiện tách thửa theo quyết định 49/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh L (nay thuộc tỉnh Tây Ninh).

Do đó, việc bà Trương Thị Kim L yêu cầu nhận được di sản thửa kế là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Trương Thị Kim L được hưởng di sản thừa kế là Khu B có diện tích là 587,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 1 và Khu E có diện tích là 449,1 m^2 thuộc một phần thửa đất số 2 theo Mảnh trích đo số 430-2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C, tỉnh Long An duyệt ngày 25 tháng 12 năm 2023.

Buộc bà Trương Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Trương Quốc D số tiền là 5.268.550đ (năm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng).

[7] Đối với yêu cầu bà Trương Kim T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và cho bà nhận phần đất liền kế với thửa đất bà đang quản lý sử dụng để thuận tiện cho việc tách thửa và quản lý, sử dụng nhưng đến ngày 12 tháng 3 năm 2026, bà T rút yêu cầu chia thừa kế. Tòa án đã tiến hành giải thích, ghi lời khai của bà T nhưng bà T giữ nguyên yêu cầu rút đơn yêu cầu chia thừa kế. Xét thấy việc bà T rút yêu cầu chia thừa kế là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bà T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định chung của pháp luật.

[8] Bà Trương Thị Kim L là mẹ ruột của ông Phan Trương Thanh P1, quá trình tố tụng giữa bà L với ông P1 không có tranh chấp đối với thanh long có trên phần đất bà L được nhận di sản thừa kế. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án, giữa các bên đương sự có quyền thỏa thuận nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định chung của pháp luật.

[9] Quá trình tố tụng, bà Trương Thị Mỹ C3, ông Nguyễn Tấn S yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đã ký với ông Trương Quốc D. Trường hợp không thể tiếp tục hợp đồng thì bà Trương Thị Mỹ C3, ông Nguyễn Tấn S yêu cầu bà L và những người có quyền lợi liên quan bồi thường thiệt hại. Bà L, bà Trương Thị Mỹ C3, ông Nguyễn Tấn S không yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông D với bà Mỹ C3, ông S. Tại phiên tòa, bà Trương Thị Mỹ C3, bà Trương Thị Kim L cùng xác định: không yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án, giữa các bên đương sự có quyền thỏa thuận nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định chung của pháp luật.

[10] Trong quá trình tố tụng, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, bà Trương Thị Mỹ C3 có lời trình bày khác nhau đối với di dản thừa kế của bà Phan Thị H nhưng không có đương sự nào yêu cầu chia thừa kế

nên các đương sự có quyền thực hiện các quyền đối với di sản thừa kế theo quy định chung của pháp luật.

[11] Từ các phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền 12.538.600đ (mười hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm đồng). Bà Trương Thị Kim L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá. Bà Trương Thị Kim L đã nộp 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Toà án đã hoàn trả cho bà L số tiền 17.461.400đ (mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm đồng) theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 26 tháng 9 năm 2023 và ngày 05 tháng 5 năm 2026.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị Kim L vì bà L là người cao tuổi và đã làm đơn đúng theo quy định của pháp luật. Ông Trương Quốc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 612, 613, 614, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Các Điều 4, 136 của Luật đất đai năm 2024;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim L về việc chia di sản thừa kế.

Bà Trương Thị Kim L được hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với Khu B có diện tích là 587,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 1 và Khu E có diện tích là 449,1 m^2 thuộc một phần thửa đất số 2 theo Mảnh trích đo số 430-2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C tỉnh Long An duyệt ngày 25 tháng 12 năm 2023.

Bà Trương Thị Kim L có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Khu B có diện tích là 587,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 1 và Khu E có diện tích là 449,1 m^2 thuộc một phần thửa đất số 2 theo Mảnh trích đo số 430-2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C, tỉnh Long An duyệt ngày 25 tháng 12 năm 2023 theo quy định chung của pháp luật.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trong trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Các đương sự không được ngăn cản các bên thực hiện quyền của người được xác lập quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp các bên vi phạm việc sử dụng đất đã được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

2. Buộc bà Trương Thị Kim L có nghĩa vụ trả số tiền cho ông Trương Quốc D là 5.268.550đ (năm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Bà Trương Thị Kim L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền 12.538.600đ (mười hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm đồng). Bà Trương Thị Kim L đã nộp 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Toà án đã hoàn trả cho bà L số tiền 17.461.400đ (mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm đồng) theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 26 tháng 9 năm 2023 và ngày 05 tháng 5 năm 2026.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị Kim L vì bà L là người cao tuổi. Ông Trương Quốc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trương Quốc D, bà Trương Thị Kim P, bà Trương Kim T, bà Trương Kim B, bà Trương Thị Á C1, bà Trương Thị Âu C2, ông Phan Trương Thanh P1, ông Nguyễn Tấn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (1b);
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh (2b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

TAND KHU VỰC 5

KNA050526.TL.QDBA
561

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Song Tiền